

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28 tháng 9 năm 2020  
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- \* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- \* **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
  2. Ông Nguyễn Văn Kiểm.
- \* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- \* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

- \* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1998 (Có mặt)  
Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh B;  
Hiện ở: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B;
- \* **Bị đơn:** Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1994 (Có mặt)  
Cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh B;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Đỗ Xuân H kết hôn ngày 26/10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống với nhau tại gia đình anh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 09/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H mãi chơi, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân từ đó đến nay, không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H.

*\* Tại phiên tòa, anh Đỗ Xuân H trình bày:*

Anh và chị Trần Thị H kết hôn ngày 26/10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi chơi vắng nhà mấy ngày thì chị H mang con và bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh muốn đoàn tụ vợ chồng nếu chị H vẫn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có 01 con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017, hiện đang ở cùng chị H. Ly hôn, nếu phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhờ bố mẹ đẻ nuôi giúp. Anh hiện nay làm công nhân lắp đặt điện nước tại thành phố H với mức lương khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xác nhận đã được mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Hương giao lại toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án. Quá trình Tòa án triệu tập về làm việc nhưng do bận nên anh không về được.

Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2020 đối với ông Nguyễn Xuân Trường – tổ trưởng tổ dân phố Chùa Nguồn, thị trấn Nhã Nam cho biết: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Xuân H đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Chùa Nguồn, thị trấn Nhã Nam. Chị H kết hôn với anh H năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh H tại tổ dân phố Chùa Nguồn. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh H xảy ra mâu thuẫn do anh H chơi bời, không chịu tu chí làm ăn. Đầu năm 2019 chị H mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị H, anh H ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị H, anh H có 01 con chung sinh năm 2017 hiện ở với chị H. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác thì ông không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2020 đối với bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Đỗ Xuân H thì được biết: Chị H kết hôn với anh H vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Chị H và bà đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ từ

tháng 8/2018 đến nay. Anh H xuống đón về nhưng chị H nói nếu anh H sửa đổi tính ham chơi thì về nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng sống lý thân. Nay chị H xin ly hôn thì bà không có ý kiến gì. Chị H và anh H có 01 con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017 đề nghị giải quyết theo pháp luật. Anh H làm thợ lắp đặt điện nước cho các nhà xưởng, lương là 12.000.000đồng/tháng nhưng hay phải vắng nhà. Anh H ở cùng vợ chồng bà tại tổ dân phố chùa N. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác thì bà xác định không có. Bà đã giao lại cho anh H giấy tờ, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và giấy triệu tập lần 2 nhưng anh H bận nên không đến Tòa án làm việc được.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có văn bản giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành.

Về nội Hng vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân H.
- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 55/2020/QĐ-CCTLCC ngày 18/8/2020 về việc yêu cầu anh H cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Đỗ Xuân H nhưng anh H không có mặt để làm việc với Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu H quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Thị H và chị Đỗ Xuân H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn

nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 09/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn, lại chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài từ tháng 04/2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H, anh Đỗ Xuân H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Xuân H có 01 con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017, hiện đang ở cùng chị H. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị H, anh H đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Tuy nhiên, anh H đang làm nghề lắp đặt điện nước tại thành phố Hải Phòng nên thường vắng nhà. Mặt khác anh H trình bày nếu được nuôi con thì anh nhờ bố mẹ để nuôi giúp là không đảm bảo việc bố mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Anh là con gái, mới trên 03 tuổi nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Hiện tại cháu Anh đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng cháu A, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung của chị H. Cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của chị H như hiện nay. Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Anh và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Đỗ Xuân H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị H và anh Đỗ Xuân H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Xuân H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 04/4/2017.

Anh Đỗ Xuân H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị H và anh Đỗ Xuân H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006460 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**